

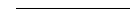
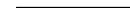
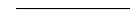
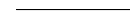
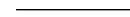
Biểu 1**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020***(Kèm theo Báo cáo số 2185/BC-SKHĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Diễn giải	Tổng số	Trong đó:				Ghi chú
			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện, xã	
			Tổng số	Trong đó			
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
I	Tổng vốn đầu tư công	3.785.315	3.070.565	2.829.165	241.400	714.750	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.455.400	740.650	499.250	241.400	714.750	
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	600.000	425.250	425.250	0	174.750	
	Trả vay tín dụng ưu đãi	17.500	17.500	17.500			
	Phân bổ cho các cấp ngân sách	582.500	407.750	407.750		174.750	
1.2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	600.000	60.000	60.000		540.000	
1.3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14.000	14.000	14.000			
1.4	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương (vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài)	241.400	241.400		241.400		
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương	1.529.615	1.529.615	1.529.615	0	0	
2.1	Phí bảo trì đường bộ	29.615	29.615	29.615	0		

2.2	Vượt thu ngân sách dành cho đầu tư	0	0				
2.3	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất các vị trí đất theo Kết luận 09-KL/TU	1.500.000	1.500.000	1.500.000			
3	Vốn ngân sách trung ương	800.300	800.300	800.300	0		
1	Vốn đầu tư thuộc CTMTQG	139.100	139.100	139.100			
2	Vốn Chương trình mục tiêu	175.200	175.200	175.200			Hoàn ứng: 46.162
2.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, Chương trình mục tiêu	135.200	135.200	135.200			
2.2	Vốn dự kiến bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn và khoản 10000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia	40.000	40.000	40.000			
3	Vốn nước ngoài	486.000	486.000	486.000			
3.1	Vốn nước ngoài giải ngân theo chế tài chính trong nước	360.000	360.000	360.000			
3.2	Giải ngân theo hình thức dự án	126.000	126.000	126.000			
II	Kế hoạch đầu tư	3.785.315	3.070.565	2.829.165	241.400	714.750	
1	Vốn cân đối ngân sách	1.455.400	740.650	499.250	241.400	714.750	
1.1	Trả nợ gốc đến hạn (trả vay tín dụng ưu đãi)	17.500	17.500	17.500			
1.2	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	60.000	60.000	60.000			
1.3	Bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng	1.377.900	663.150	421.750	241.400	714.750	

	Trong đó: trả ứng trước ngân sách	15.000	15.000	15.000			
1.4	Bố trí vốn vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài cho các dự án ODA	241.400	241.400		241.400		
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương	1.529.615	1.529.615	1.529.615	0	0	
2.1	Vốn đầu tư từ nguồn thu Phí bảo trì đường bộ dành cho Cải tạo, nâng cấp đường bộ của tỉnh	29.615	29.615	29.615			
2.2	Vượt thu ngân sách dành cho đầu tư						
	Bố trí các dự án đầu tư do tỉnh quản lý						
2.3	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng các vị trí đất theo Kết luận 09-KL/TU: bố trí cho các dự án sử dụng nguồn vốn này trong kế hoạch đầu tư công trung hạn	1.500.000	1.500.000	1.500.000			
3	Vốn ngân sách trung ương	800.300	800.300	800.300	0		
3.1	Vốn đầu tư thuộc CTMTQG	139.100	139.100	139.100			
3.2	Vốn Chương trình mục tiêu	175.200	175.200	175.200			
3.2.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, Chương trình mục tiêu	135.200	135.200	135.200			
	Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng	51.200	51.200	51.200			Hoàn ứng 6.162
	Chương trình hỗ trợ vốn đối ứng ODA	8.000	8.000	8.000			Hoàn ứng 8.000
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững	2.000	2.000	2.000			

	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống thiên tai	34.000	34.000	34.000			Hoàn ứng 32.000
	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương	10.000	10.000	10.000			
	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	30.000	30.000	30.000			
3.2.2	Các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn và khoản 10000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia	40.000	40.000	40.000			
	Đường GTNT đến xã huyện Thanh Liêm, Lý Nhân, Bình Lục	30.000	30.000	30.000			
	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống tưới tiêu tỉnh Hà Nam	10.000	10.000	10.000			
3.3	Vốn nước ngoài	486.000	486.000	486.000			
3.3.1	Vốn nước ngoài giải ngân theo chế tài chính trong nước	360.000	360.000	360.000			
3.3.2	Giải ngân theo hình thức dự án	126.000	126.000	126.000			



0 0
